

LUẬN CỨ CHO VIỆC XÂY DỰNG BỘ Y PHỤC MANG BẢN SẮC TỘC NGƯỜI CHỨT

NGUYỄN VĂN MẠNH

Trường Đại học Khoa học Huế

1. Đặt vấn đề

Y phục không chỉ là phương tiện để con người che thân mà còn là yếu tố nhận diện/phân biệt giữa tộc người này với tộc người khác. Nó không chỉ mang đậm bản sắc của mỗi dân tộc mà còn chứa đựng những giá trị về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật và cả những thông điệp từ quá khứ để lại.

Các dân tộc trên đất nước ta về cơ bản đều lưu giữ, bảo tồn y phục mang sắc thái riêng của mình, như người Thái áo ngắn bó sát người có hàng cúc bướm, với màu sắc khác nhau; người Tày trang phục chủ đạo là màu chàm, phụ nữ thường chít khăn mỏ quạ, mặc áo năm thân có thất lưng,...

Người Chứt, một dân tộc sống chủ yếu ở miền Tây tỉnh Quảng Bình, do nhiều nguyên nhân tác động, họ phải chịu một quá trình rơi rụng và mất mát các giá trị bản sắc văn hóa của mình. Trong các giá trị bị rơi rụng đó có y phục. Từ lâu, dân tộc này không có y phục thuộc về bản sắc riêng của mình như các dân tộc khác trên đất nước ta. Điều đó không chỉ làm cho bản sắc văn hóa của dân tộc càng bị mai một và như một lẽ tất yếu, họ rất dễ bị hòa vào cộng đồng dân tộc khác.

Với tất cả những ước muốn của người dân và chính quyền tỉnh Quảng Bình, làm thế nào để xây dựng bộ y phục mang sắc thái riêng cho dân tộc Chứt (không nên dùng thuật ngữ phục dựng hay tái cấu trúc y phục người Chứt).

2. Lịch sử hình thành và biến đổi y phục của người Chứt

Người Chứt, một cộng đồng dân cư thuộc nhóm 16 dân tộc rất ít người ở nước ta với khoảng 7.500¹ người, chia thành 5 nhóm nhỏ: Sách, Mày, Rục, Arem, Mã Liềng. Theo các nhà khoa học, các nhóm tộc người này nói ngôn ngữ tiền Việt - Mường và vì nhiều lý do khác nhau, dân tộc này phải chịu một quá trình mất mát, rơi rụng về văn hóa, nhất là văn hóa vật thể. Để sinh tồn, họ phải vừa lao động sáng tạo vừa phải vay mượn các yếu tố văn hóa của các dân tộc cận cư. Đó là lý do việc xác định yếu tố văn hóa nào là gốc/bản sắc của dân tộc này gặp nhiều khó khăn. Một trong những yếu tố đó là y phục của dân tộc Chứt.

Theo Trần Thị Hồng Yến và Nguyễn Văn Mạnh, trước đây, y phục truyền thống của người Chứt chủ yếu là áo, khố và tấm chăn đắp làm bằng vỏ cây rừng như cây sui, cây sàng, cây si... Vỏ cây đập nát, ngâm nước cho mủn, vò đi vò lại nhiều lần chỉ còn lại sợi, phơi khô, dàn đều, dùng mây rừng chẻ nhỏ kết lại thành tấm. Nêu choàng ngang ngực gọi là kché, hoặc khoét lỗ tròn ở giữa gập lại, mặc xong buộc dây sát người. Phụ nữ với chiếc áo vỏ cây có đặc điểm giống như áo nam giới. Còn váy để nguyên cả tấm vỏ cây to, khi mặc quấn vào quanh thân dưới và một sợi dây rừng buộc chặt nhiều vòng quanh bụng. Người Mày và Mã Liềng còn mặc váy đan bằng lá cọ; nam giới Mã

¹ Có khoảng hơn 200 người, 60 hộ Mã Liềng ở xã Hương Liên và Hương Vĩnh, tỉnh Hà Tĩnh và một vài gia đình di cư tự do vào Đăk Lăk, Lâm Đồng vào thời gian sau này.

Liền đóng khổ bằng lá dứa đập dập, phơi khô.

Những chiếc áo võ cây của cả nam giới và nữ giới có đặc điểm giống nhau, đều cấu tạo gồm 3 thân: hai thân trước nối với thân sau qua cầu vai, cổ tròn, không cài dây, tay ngắn. Khố là một tấm võ cây dài và hẹp, dùng cho đàn ông, được quấn một đến nhiều vòng quanh bụng. Váy để nguyên cả tấm võ cây to, khi mặc quấn vào quanh thân dưới và một sợi dây rừng buộc chặt nhiều vòng quanh bụng. Còn tấm choàng để nguyên cả tấm võ cây to, dùng để choàng vào người khi trời lạnh hoặc đắp khi ngủ.

Về sau, họ dùng y phục mua của người Lào. Trang phục nam (suông sửa Lao) gồm áo có tay ngắn, thân áo được may thuận rộng, có hàng cúc cài trước ngực; quần may bằng vải nhuộm chàm, khi mặc dùng dây lưng thắt bên ngoài hoặc dây rút... Còn trang phục nữ (sín sửa Lao) gồm áo ngắn, cộc tay hoặc dài tay, có hàng cúc cài thẳng hoặc chéo và váy ống dài buông ngang tầm bắp chân, khăn cài chéo. Theo truyền thống, trang phục của dân tộc Lào được may bằng vải làm từ sợi bông, tơ tằm, phải tự nhuộm màu, tự dệt.

Từ thế kỷ XV, người Việt ở vùng Thanh, Nghệ Tĩnh di cư lên vùng đất này, hình thành nhóm Nguồn, trang phục của người Chứt dần tiếp nhận từ người Nguồn/Kinh². Ở đây, các nhóm người Chứt có lịch sử y phục không giống nhau: Người Sách tiếp nhận y phục từ người Nguồn rất sớm, vì họ cư trú kề cận, thậm chí xen cài với người Nguồn; người Mày lại cư trú kề cận, ở vùng Bãi Dinh, Cha Lo, gần với người Lào. Trong khi đó, người Rục mãi từ những năm 50 của thế kỷ XX, bộ đội mới đưa họ ra khỏi hang đá, người Mã Liềng và Arem cũng gần như vậy.

Như vậy, nếu tiếp cận dưới góc độ lịch sử văn hóa, y phục của người Chứt trải qua 3 lớp văn hóa: Lớp văn hóa bản địa/y phục bằng võ cây; lớp văn hóa giao lưu, hội tụ/y phục của

người Lào và lớp văn hóa cận hiện đại/y phục của người Kinh.

Nên nhớ rằng, người Lào có nghề dệt thổ cẩm rất phát triển và luôn được giữ gìn, bảo tồn, trở thành nghề truyền thống lâu đời của dân tộc Lào. Y phục thổ cẩm của phụ nữ dân tộc Lào bao gồm áo, váy, khăn đội đầu, thắt lưng. Tất cả đều bằng vải nhuộm chàm, được thêu nhiều họa tiết hoa văn như hình con voi, con rồng, chim công và các loại hoa lá... với nhiều màu chỉ, kết hợp khéo léo các sắc màu để nổi bật hoa văn. Theo đó, người Lào giao lưu trao đổi hàng hóa với các dân tộc ở sườn đông dãy Trường Sơn từ rất sớm. Trong các loại hàng hóa được người Lào mang sang vùng miền núi Quảng Bình và Quảng Trị trao đổi có y phục. Y phục của người Lào không chỉ được người Chứt đón nhận mà cả người Bru - Vân Kiều (dân tộc này cũng không có truyền thống trồng bông dệt vải). Nhưng về sau, một số người Bru - Vân Kiều tự mình dệt được váy áo thổ cẩm, song màu sắc của nó có phần đơn điệu hơn y phục người Lào và người Tà-ôi, chủ yếu màu đen có điểm xuyết màu đỏ. Trong lúc đó, người Chứt vẫn tiếp tục trao đổi y phục người Lào. Điểm trao đổi phổ biến nhất về hàng hóa giữa người Lào và các nhóm người Chứt là những phiên chợ vùng cao ở Dân Hóa. Theo Xuân Vương - Công Thành với *"Độc đáo những phiên chợ"*: Trước Cách mạng tháng Tám, trên địa bàn huyện Minh Hóa đã có chợ Y Leng ở xã Dân Hóa; chợ phiên Y Leng diễn ra 6 lần trong một tháng. Trong đó, phiên họp chính vào các ngày 8, 18, 28; còn phiên chợ phụ vào các ngày 3, 13 và 23 âm lịch³.

3. Luận cứ cho việc xây dựng y phục mang sắc thái riêng của dân tộc Chứt

Xây dựng y phục mang sắc thái riêng cho dân tộc Chứt là việc làm khó khăn, phức tạp, vì nó vừa đảm bảo giá trị lịch sử, giá trị nhân văn vừa là những thông điệp từ quá khứ để lại. Giá

² Vương Xuân Tình (Cb) (2018), *Các dân tộc ở Việt Nam*, Tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.705.

³ <https://quangbinh.gov.vn/chi-tiet-tin/-/view-article/1/13848241114537/1474515134440>.

trị lịch sử ở đây là sự tiếp nối/ sợi dây tiếp nối của bóng dáng mờ nhạt của y phục truyền thống/ y phục mà người Chứt đã sử dụng trong quá khứ như màu sắc, kiểu dáng, cấu tạo,... Hay nói cách khác là phải có những cơ sở, luận cứ, thông điệp của quá khứ. Còn giá trị nhân văn ở đây được hiểu là vì cộng đồng người Chứt, cho người Chứt nên phải được cộng đồng người Chứt chấp nhận, tiếp nhận. Vì vậy, xây dựng y phục mang sắc thái riêng của dân tộc Chứt cần dựa trên những luận cứ sau đây:

3.1. Luận cứ y phục truyền thống, mang thông điệp của quá khứ

Ở luận cứ này, cần chú ý màu sắc, kiểu dáng của các loại hình y phục có liên quan trực tiếp, bao gồm: Y phục vỏ cây (như đã nêu ở trên) và y phục của người Lào (như đã nêu ở trên); Gián tiếp bao gồm: Y phục người Mường, y phục người Thổ và y phục cổ xưa của người Việt.

Sở dĩ y phục của ba dân tộc này có liên quan gián tiếp với y phục của người Chứt, vì rằng người Mường và Thổ cùng với người Chứt, Việt là các dân tộc nằm trong nhóm ngữ hệ Việt - Mường/ cùng gốc; trong đó:

Y phục Việt: Phụ nữ thời Hùng Vương thường mặc áo chui đầu ngắn đến bụng, xẻ ngực, bó sát vào người, phía trong mặc yếm kín ngực có cổ tròn sát cổ⁴.

Y phục Mường: “Đồ mặc phụ nữ Mường không có tính diêm dúa như nữ phục của người Thái,... Nó không dụng công kín đáo để đạt đến thanh lịch như nữ phục Tày hay Cao Lan. Nó cũng không thừa thãi hoa văn và màu sắc như áo quần của người Mèo - Dao;... Nữ phục Mường chỉ màu trắng hoặc đen”⁵.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Mạnh (1996), *Người Chứt ở Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
2. Vương Xuân Tình (Cb) (2018), *Các dân tộc ở Việt Nam*, Tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Trần Từ (1996), *Người Mường ở Hòa Bình*, Nxb Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội.

⁴ <https://www.bachhoaxanh.com/kinh-nghiem-hay/nhin-lai-trang-phuc-phu-nu-viet-nam-co-phuc-qua-cac-thoi-ky>.

⁵ Trần Từ (1996), *Người Mường ở Hòa Bình*, Nxb Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, tr.91.

⁶ <https://dantocmiennui.vn/trang-phuc-cua-nguoi-tho-post130775.html>.

Y phục Thổ: Trang phục của nam giới bao gồm áo, quần, thắt lưng và khăn đội đầu. Áo có hai loại áo cánh (ngắn) và áo dài. Áo cánh được may từ vải màu nâu hay màu đen bùn, dạng áo bà ba của người Việt⁶.

3.2. Giá trị nhân văn/ xây dựng y phục phải được cộng đồng người Chứt chấp nhận, tiếp nhận

Theo tiêu chí/ luận cứ này, cần phải tiến hành thảo luận nhóm và điều tra xã hội học, theo các lứa tuổi và giới tính. Tiến hành công việc nghiên cứu này ở các đối tượng thanh thiếu niên và trung niên, hạng lão với các nhóm giới tính khác nhau.

Từ kết quả nghiên cứu theo các luận cứ trên, có thể xây dựng các bộ y phục nam và nữ giới mang sắc thái dân tộc Chứt. Theo đó, trước mắt cung cấp cho mỗi bản làng của dân tộc Chứt hai bộ y phục nam, nữ; sau đó mở các lớp truyền dạy cách dệt trang phục đó để tự thân cộng đồng tự trang bị cho mình.

3. Kết luận và kiến nghị

Với những luận giải ở trên, chúng ta có thể đề xuất giải pháp cho y phục của dân tộc Chứt như sau: (i) Đối chiếu y phục vỏ cây, y phục của người Lào mà các nhóm dân tộc Chứt (nhất là người Mày) đã quen dùng, y phục người Việt cổ, y phục người Mường, người Thổ; (ii) Điều tra, khảo sát thu thập các thông số định tính và định lượng sự hài lòng của người dân về màu sắc, kiểu dáng, chất liệu,... để xây dựng y phục mang bản sắc của dân tộc Chứt.

Trên cơ sở đó, trang bị cho mỗi bản làng người Chứt hai bộ trang phục (nam, nữ) và tiếp theo có kế hoạch mở các lớp truyền dạy nghề dệt để các mẹ, các chị tự dệt y phục cho mình ■